**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

**Năm học: 2023 - 2024**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn nghị luận | **4** | **0** | **4** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***20*** | ***5*** | ***20*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **25** | | **35** | | **30** | | **10** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**DUYỆT CỦA CM DUYỆT TTCM GVBM**

**Trần Thị Nhật Linh**

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

**Năm học: 2023 - 2024**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1.** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận | **Nhận biết**:  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ, phép liên kết trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **Thông hiểu**:  - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; các biện pháp tu từ như: nói quá, nói giảm nói tránh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản. | | 4TN | 4TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng | | 1\* | 1\* | 1\* | 1\* |
| **Tổng** | | | |  | **4 TN** | **4 TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** | | | |  | **25** | **35** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | |  | **60** | | **40** | |

UBND HUYỆN CẨM MỸ

**TRƯỜNG THCS NGUYỄN TRÃI**

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II NĂM 2023 – 2024**

**MÔN: NGỮ VĂN (KHỐI 7)**

**Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)**

**PHẦN I ĐỌC – HIỂU ( 6 điểm)**

**Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**

**CẦN TẠO RA THÓI QUEN TỐT TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI**

Có thói quen tốt và thói quen xấu. Luôn dậy sớm, luôn đúng hẹn, giữ lời hứa, luôn đọc sách,…là thói quen tốt.

Hút thuốc lá, hay cáu giận, mất trật tự là thói quen xấu. Có người biết phân biệt tốt và xấu, nhưng vì đã thành thói quen nên rất khó bỏ, khó sửa. Chẳng hạn vì thói quen hút thuốc lá, nên cũng có thói quen gạt tàn bừa bãi ra nhà, cả trong phòng khách lịch sự, sạch bong. Người biết lịch sự thì còn sửa một chút bằng cách xin chủ nhà cho mượn cái gạt tàn.

Một thói quen xấu ta thường gặp hằng ngày, ở bất cứ đâu là thói quen vứt rác bừa bãi. Ăn chuối xong cứ tiện tay là vứt toẹt ngay cái vỏ ra cửa, ra đường,…Thói quen này thành tệ nạn…Một xóm nhỏ, con mương sau nhà thành con sông rác…Những nơi khuất, nơi công cộng, lâu ngày rác cứ ùn lên, khiến nhiều khu dân cư phải chịu hậu quả mất vệ sinh nặng nề.

Tệ hại hơn có người có cái cốc vỡ, cái chai vỡ cũng tiện tay ném ra đường. Vì thế trẻ em, cụ già giẫm phải, chảy máu chân rất nguy hiểm.

Tạo được thói quen tốt là rất khó. Nhưng nhiễm thói quen xấu thì dễ. Cho nên mỗi người, mỗi gia đình hãy tự xem lại mình để tạo ra nếp sống đẹp, văn minh cho xã hội?

(Theo Băng Sơn, *Giao tiếp đời thường*, SGK Ngữ văn 7, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2006, tr.9,10)

**Chọn câu trả lời đúng nhất:**

**Câu 1:** **Văn bản trên có đặc trưng của thể loại nào?**

A. Văn bản nghị luận B. Tản văn C. Truyện ngắn D. Văn bản thông tin

**Câu 2:** **Câu văn nào thể hiện rõ ý kiến xây dựng nếp sống tốt đẹp của người viết?**

1. Hút thuốc lá, hay cáu giận, mất trật tự là thói quen xấu.
2. Một xóm nhỏ, con mương sau nhà thành con sông rác.
3. Một thói quen xấu ta thường gặp hằng ngày, ở bất cứ đâu là thói quen vứt rác bừa bãi.
4. Cho nên mỗi người, mỗi gia đình hãy tự xem lại mình để tạo ra nếp sống đẹp, văn minh cho xã hội?

**Câu 3:** **Xác định phép liên kết được sử dụng trong các câu văn sau:** *“* *Tệ hại hơn có người có cái cốc vỡ, cái chai vỡ cũng tiện tay ném ra đường. Vì thế trẻ em, cụ già giẫm phải, chảy máu chân rất nguy hiểm.”*

A. Phép lặp B. Phép nối C. Phép thế D. Phép liên tưởng

**Câu 4:** **Để làm sáng tỏ ý kiến trên, người viết đã đưa ra bằng chứng nào để thuyết phục?**

1. Có người biết phân biệt tốt và xấu, nhưng vì đã thành thói quen nên rất khó bỏ, khó sửa.
2. Cho nên mỗi người, mỗi gia đình hãy tự xem lại mình để tạo ra nếp sống đẹp, văn minh cho xã hội?
3. Ăn chuối xong cứ tiện tay là vứt toẹt ngay cái vỏ ra cửa, ra đường.
4. Có thói quen tốt và thói quen xấu.

**Câu 5:** **Văn bản trên viết ra nhằm mục đích gì?**

A. Thuyết phục người đọc cần tạo ra thói quen tốt trong đời sống.

B. Thuyết phục người đọc cần biết phân biệt thói quen tốt và xấu.

C. Thuyết phục người đọc cần tránh xa những thói quen xấu.

D. Thuyết phục người đọc cần biết cách ứng xử trong đời sống.

**Câu 6: Xác định mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản trên?**

1. Ý kiến, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.
2. Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.
3. Ý kiến, lí lẽ được sắp xếp theo trình tự hợp lí.
4. Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự tiếp nhận của người đọc.

**Câu 7: Vấn đề bàn luận ở văn bản trên là gì?**

A. Tránh nhiễm thói quen xấu và tạo ra thói quen tốt.

B. Tạo được thói quen tốt là rất khó. Nhưng nhiễm thói quen xấu thì dễ.

C. Cần tạo ra thói quen tốt trong đời sống xã hội.

D. Trong xã hội có rất nhiều thói quen xấu nên tránh.

**Câu 8: Em hiểu như thế nào là nếp sống văn minh?**

A. Là nếp sống tôn trọng luật pháp, hòa nhã với mọi người trong cộng đồng.

B. Là nếp sống chan hòa, vui vẻ, cởi mở với mọi người trong cộng đồng.

C. Là nếp sống có văn hóa, lịch sự với mọi người trong cộng đồng.

D. Là nếp sống mọi người ứng xử có văn hóa với con người, với thiên nhiên.

**Câu 9: Từ nội dung của văn bản trên, em rút ra bài học gì cho bản thân?**

**Câu 10: Để tạo được thói quen tốt trong đời sống, bản thân em cần phải làm gì?**

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

Em hãy viết bài văn bàn về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm.

--------------HẾT-------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7 - Năm học: 2023 - 2024**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | D | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | B | 0,5 |
| **7** | C | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | Hs nêu được bài học phù hợp cho bản thân: Cần tạo ra thói quen tốt cho bản thân và sửa đổi dần những thói quan xấu để mình ngày càng hoàn thiện hơn. | 1,0 |
|  | **10** | **Để tạo được thói quen tốt trong đời sống, bản thân em cần phải làm gì?**  Hs nêu được các ý như: Đọc sách, ăn uống khoa học, làm việc có kế hoạch, lập thời gian biểu hằng ngày và nghiêm túc thực hiện theo... | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:* Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: suy nghĩ cá nhân đối với hiện tượng một vấn đề mà em quan tâm. | 0,25 |
|  | *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý: |  |
|  | **Dàn ý nghị luận về một vấn đề trong đời sống** **1. Mở bài**  Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận và thể hiện ý kiến về vấn đề đó.  **2. Thân bài**  a. Giải thích  - Giải thích từ ngữ, khái niệm quan trọng.  - Nêu bài viết bàn luận về ý nghĩa của câu tục ngữ, danh ngôn thì cần giải thích ý nghĩa của cả câu.  b. Bàn luận  - Quan điểm tán thành/phản đối của người viết về vấn đề.  - Trình bày lí lẽ, dẫn chứng để làm sáng tỏ ý kiến.  c. Lật lại vấn đề  - Nhìn nhận vấn đề ở chiều hướng ngược lại, trao đổi với ý kiến trái chiều, đánh giá ngoại lệ, bổ sung ý để vấn đề thêm toàn vẹn.  **3. Kết bài**  - Khẳng định lại ý kiến.  - Đề xuất giải pháp, bài học nhận thức và phương thức hành động. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  *Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.* | 0,5 |
|  | *e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lí lẽ dẫn chứng xác đáng, sáng tạo.* | 0,5 |

**DUYỆT CỦA CM DUYỆT TTCM GVBM**

**Trần Thị Nhật Linh**